TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ M	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH T	
Số:73/2017/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 07 tháng 04 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 106 Đường B, khu phố T, phường T, Tp M, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 106 Đường B, khu phố T, phường T, Tp M, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Có 02 con chung là Trần Văn S, sinh ngày 01/06/1995 và Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 28/07/2005. Sau khi ly hôn chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về đứa con lớn Trần Văn S đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

* Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 31534 ngày 07/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh T, do đó hoàn lại cho chị B số tiền 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA TP M;
- UBND P. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M
THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Hoàng Huy